

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA.**

Bản án số: 121/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 28/9/2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HOÁ - TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Anh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Tiến

2. Bà Nguyễn Thị Thương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Ninh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lý- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 390/2023/TLST -HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 183/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 211/2023/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thu sinh năm 1994

HKTT: Thôn 6, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Anh Lý Hải N, sinh năm 1989

HKTT: Số 45B, phường Đ, TP H, tỉnh Thanh Hóa.

(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là chị Trần Thị Th trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Lý Hải N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 2017 tại UBND phường Đ, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do quan điểm và cách sống không phù hợp, trái ngược nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xuyên đánh và cãi vã nhau. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 đến nay, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay Chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án cho Chị được ly hôn với anh Lý Hải N.

- Về con chung: Chị và anh Lý Hải N có 01 con chung là cháu Lý Hải Đ, sinh ngày 05/3/2018. Nguyên vọng của chị Th khi ly hôn giao cháu Đ cho anh N trực tiếp

nuôi dưỡng; Chị Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ kể từ khi có quyết định của Tòa án cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi.

- Về tài sản, công nợ chung: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, bị đơn là anh Lý Hải N trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Trần Thị Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 2017 tại UBND phường Đ, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống với nhau hạnh phúc đến giữa năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nên hay cãi nhau. Đến tháng 9 năm 2019 thì chị Th đã bỏ đi nơi khác sinh sống, vợ chồng sống ly thân không quan tâm đến nhau. Mặc dù tình cảm vợ chồng không còn nhưng anh vẫn có nguyện vọng vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái để con cái có đủ cả bố lẫn mẹ.

- Về con chung: Anh và chị Trần Thị Th có 01 con chung là cháu Lý Hải Đ, sinh ngày 05/3/2018. Nguyên vọng của chị Th khi ly hôn giao cháu Đ cho anh trực tiếp nuôi dưỡng; Chị Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Anh N đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ, không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án tiến hành thu thập chứng cứ, xác minh tình trạng hôn nhân của vợ chồng. Tại biên bản xác minh do địa phương cung cấp thể hiện: Quá trình chung sống tại địa phương, chị Th và anh N có xảy ra mâu thuẫn, nhưng nguyên nhân thì địa phương không nắm được. Hiện nay anh, chị không còn sinh sống tại nơi đăng ký HKTT. Việc chị Th có đơn xin ly hôn anh N, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Tại phiên tòa, chị Th có đơn xin giải quyết vắng mặt và đề nghị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã có xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn là đúng quy định của pháp luật.

Đối với bị đơn: Tòa án đã thực hiện tổng đạt hợp lệ nhiều lần đối với bị đơn nhưng anh Nam không chấp hành nên Tòa án xét xử vắng mặt là đúng quy định.

Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của UBTVQH:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Th đối với anh Lý Hải N.

Về con chung: Giao cháu Đ cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng; Chị Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ.

Về tài sản không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tranh chấp giữa chị Trần Thị Th và anh Lý Hải N là tranh chấp hôn nhân và gia đình. Bị đơn có địa chỉ tại thành phố Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn là chị Trần Thị Th có đơn xin xét xử vắng mặt vì lý do công việc, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt chị Th theo quy định của pháp luật.

Bị đơn là anh Lý Hải N vắng mặt tại phiên tòa, anh N đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vắng mặt anh N là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Chị Trần Thị Th và anh Lý Hải N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm và cách sống không phù hợp, trái ngược nhau, không có tiếng nói chung khiến cuộc sống căng thẳng. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Chị Th và anh N đã sống ly thân, không quan tâm đến cuộc sống của nhau.

Theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chung xây cuộc sống, hạnh phúc gia đình, nhưng ở đây cả chị Th và anh N đều thừa nhận không còn tình cảm với nhau. Nguyên vọng của anh N là vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái, để con cái có đủ cả bố lẫn mẹ nhưng anh N không có biện pháp để cải thiện tình cảm vợ chồng, không đưa ra được phương án để vợ chồng quay về sống cùng nhau.

Tại phiên hòa giải, Tòa án đã phân tích, động viên chị Th nên suy nghĩ kỹ trước khi quyết định việc ly hôn, tạo điều kiện cho anh N để vợ chồng gần gũi nhau, hàn gắn lại tình cảm nhưng chị Th vẫn cương quyết xin ly hôn anh N. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị Th và anh N không thể hàn gắn được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó nếu buộc anh, chị về đoàn tụ thì cuộc sống vợ chồng cũng không thể cải thiện được nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Th về việc xin ly hôn anh Lý Hải N.

[3] Về con chung: Chị Th và anh N thống nhất có 01 con chung là cháu Lý Hải Đ, sinh ngày 05/3/2018. Nguyên vọng của chị Th khi ly hôn giao cháu Đ cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng; Chị Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ.

Tại phiên hòa giải ngày 25/8/2023, anh N đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ, không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy: Anh chị đã thỏa thuận giao cháu Đ cho anh N cấp dưỡng nên công nhận sự thỏa thuận này. Mặc dù anh N không yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng nuôi con chung nhưng việc chị Th cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên chấp nhận sự tự nguyện này của chị Th.

[4] Về tài sản: Chị Th và anh N thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 57, Điều 81, Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Xử: - Về hôn nhân: Chị Trần Thị Th được ly hôn anh Lý Hải N.

- Về con chung: Công nhận chị Th và anh 01 con chung là cháu Lý Hải Đ, sinh ngày 05/3/2018. Giao cháu Đ cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng; Chị Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) kể từ tháng 9 năm 2023 cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi.

Chị Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản: Chị Th và anh N thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Trần Thị Th phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2022/0002656 ngày 26/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa. Chị Th còn phải nộp tiếp số tiền 300.000đ.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND cấp cao;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP H;
- Chi cục THA - TP H;
- UBND phường Đ;
- Lưu hồ sơ .

Đã ký

Trương Thị Anh